TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/LĐ-ST
Ngày: 22-11-2021

"Tranh chấp đòi tiền trợ cấp thôi việc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt;

2. Ông Nguyễn Chí Lin;

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lê Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý 06/2021/TLST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc*: "Tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Các nguyên đơn:

1. Ông Lại Xuân T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ô 4, khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968

Địa chỉ: khu vực 1, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

3. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1971

Địa chỉ: khu vực 1, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

4. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 206/5, TTH21, phường T, quận 12, TP.HCM.

5. Ông Phan Văn R, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khu vực 3, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

6. Bà Nguyễn Ngọc Nh, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 575A, ấp S, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 575A, ấp S, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà H, bà H, ông R, bà Nh, ông T:

Ông Lại Xuân T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ô 4, khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Công ty M.

Địa chỉ: khu vực 1, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K – Tổng giám đốc. Địa chỉ: số 38E, đường L, phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có mặt; Ông K có đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của các nguyên đơn và tại phiên tòa các nguyên đơn do ông Lại Xuân T đại diện trình bày:

Các nguyên đơn ông Lại Xuân T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Thúy H, Lê Thị Ngọc H, Phan Văn R, Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn T đều là công nhân của Công ty cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty M). Từ tháng 01/2016, Công ty ngưng hoạt động nhưng không thanh toán tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc cho các nguyên đơn. Trong các năm 2018, 2019, 2020, các nguyên đơn có khởi kiện đòi tiền lương nhưng riêng tiền trợ cấp thôi việc chưa khởi kiện và đến nay Công ty M chưa thanh toán. Nay các nguyên đơn căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội để xác định thời gian tham gia làm việc, mức lương bình quân để khởi kiện yêu cầu thanh toán cho các nguyên đơn tiền trợ cấp thôi việc chưa chi trả, cụ thể như sau:

1. Ông Lại Xuân T yêu cầu Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 29.077.750đ (thời gian làm việc của ông T là 13 năm từ 1996 đến 2008; Lương ông T hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 4.473.500đ);

2. Ông Nguyễn Văn D yêu cầu Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 48.300.000đ (thời gian làm việc 20 năm từ 1988 đến 2008; Lương ông D hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 4.830.000đ);

3. Ông Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 22.275.500đ (thời gian làm việc 13 năm từ 1996 đến 2008; Lương bà H hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 3.427.000đ);

4. Ông Lê Thị Ngọc H yêu cầu Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 24.891.750đ (thời gian làm việc 13 năm từ 1996 đến 2008; Lương bà H hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 3.829.000đ);

5. Ông Phan Văn R yêu cầu Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 20.843.750đ (thời gian làm việc 12 năm 06 tháng từ 1996 đến 2008; Lương ông R hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 3.335.000đ);

6. Nguyễn Ngọc Nh yêu cầu Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 22.885.000đ (thời gian làm việc 10 năm từ 1998 đến 2008; Lương bà Nh hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 4.577.000đ);

7. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 30.084.000đ (thời gian làm việc 16 năm từ 1990 đến 2008; Lương ông T hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 3.760.500đ);

Ngoài ra các nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Công ty M:

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ nhưng Công ty M vẫn vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Đến ngày 10/11/2021, ông K là người đại diện theo pháp luật của Công ty M có gửi văn bản trình bày ý kiến: Hiện nay toàn bộ tài sản của Công ty M đã được bán đấu giá để thi hành án, số tiền còn lại từ việc bán đấu giá do Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An quản lý. Do đó, nay Công ty M không còn bất kỳ tài sản nào để thi hành án cho người lao động, đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ để xem xét yêu cầu khởi kiện của người lao động khách quan, đúng qui định pháp luật. Do tình hình dịch bệnh phức tạp nên ông K đề nghị được vắng mặt trong các buổi hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và vắng mặt xét xử tại tòa án các cấp.

Bị đơn Công ty M không có yêu cầu phản tố và không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án theo qui định tại Điều 262 BLTTDS năm 2015:

Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa đúng và đầy đủ người vào tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và điều tra vụ án được tiến hành khách quan, đúng pháp luật; không có đương sự khiếu nại trong quá trình giải quyết vụ án. Tham gia trực tiếp tại phiên tòa xét thấy các bên đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng qui định pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định rõ yêu cầu khởi kiện, bị đơn có ý kiến trình bày và đề nghị vắng mặt; bị đơn không có yêu cầu phản tố; các bên không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

Về nội dung vụ án: Các nguyên đơn khởi kiện và có cung cấp đầy đủ Sổ bảo hiểm xã hội, xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảng lương để chứng minh có ký hợp đồng lao động và có tham gia làm việc thực tế cho Công ty M. Từ tháng 01/2016, Công ty M ngừng hoạt động nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho các nguyên đơn là vi phạm các qui định tại Điều 46, Điều 48 Bộ Luật lao động năm 2019. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện, các nguyên đơn căn cứ vào các hợp đồng lao động ký kết với Công ty M để chứng minh các bên có xác lập quan hệ lao động. Căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội để xác định quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội, từ đó các nguyên đơn yêu cầu Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc chưa thanh toán. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý vụ án lao động xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp đòi tiền trợ cấp thôi việc"*, việc thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 32, Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[2]. Về tố tụng:

[2.1]. Về điều kiện khởi kiện: Các nguyên đơn khởi kiện *"Tranh chấp trợ cấp thôi việc"* đối với Công ty M. Tranh chấp được các cơ quan quản lý lao động huyện Đức Hòa tổ chức hòa giải tại biên bản ngày 11/8/2020, tranh chấp đã thực hiện thủ tục hòa giải trước khi khởi kiện là thực hiện theo đúng thủ tục quy định tại Điều 188 của Bộ luật lao động năm 2019. Do đó, các nguyên đơn có quyền khởi kiện tranh chấp lao động tại Tòa án theo quy định tại Điều 32, Điều 35, Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Công ty M có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015;

[3]. Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ vào các bản án về tranh chấp tiền lương đã có hiệu lực pháp luật thì xác định các nguyên đơn Lại Xuân T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Thúy H, Lê Thị Ngọc H, Phan Văn R, Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn T đều là công nhân của Công ty M. Quá trình làm việc các nguyên đơn tham gia làm việc và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người lao động. Tuy nhiên, từ tháng 01/2016 đến nay, Công ty M dừng hoạt động nhưng chưa thanh toán tiền và các chế độ cho người lao động. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty M phải thanh toán cho các nguyên đơn được nhận tiền trợ cấp thôi việc theo qui định pháp luật.

[3.2]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.2.1]. Căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội, Bản xác nhận quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội của các nguyên đơn; Văn bản số 1063/SLĐTBXHLĐVL&GDNN ngày 07/4/2021 và Văn bản số 3370/SLĐTBXHLĐVL&GDNN ngày 22/10/2021 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Long An hướng dẫn cách tính chế độ trợ cấp thôi việc cho người lao động; Căn cứ văn bản trình bày ý kiến ngày 10/11/2021 của ông K là người đại diện theo pháp luật của Công ty M:

Hội đồng xét xử thấy: thực tế Công ty M đã ngừng hoạt động từ tháng 01/2016 đến nay nhưng Công ty M vẫn chưa thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho các nguyên đơn ông Lại Xuân T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Thúy H, Lê Thị Ngọc H, Phan Văn R, Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn T là vi phạm quy định tại Điều 46 Bộ Luật lao động năm 2019. Do đó căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 48 Bộ Luật Lao động năm 2019, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty M phải thanh toán một lần tiền trợ cấp thôi việc là có căn cứ chấp nhận.

[3.2.2]. Cơ sở để xác định thời gian làm việc của người lao động: Theo điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 /01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động: *"c. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm của người lao động được thanh toán theo năm (đủ 12 tháng), trường hợp có tháng lẻ thì từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được thanh toán bằng 1/2 năm; từ đủ 06 tháng trở lên được thanh toán bằng 01 năm làm việc".* Do đó, căn cứ vào bản xác nhận quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội và Sổ bảo hiểm xã hội của từng người lao động thì xác

định được thời gian làm việc thường xuyên của người lao động tại Công ty M để tính tiền trợ cấp thôi việc.

[3.2.3]. Về mức tiền lương để áp dụng tính trợ cấp cho người lao động: Theo qui định tại khoản 3 Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019 qui định: *"Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc"*. Nên HĐXX xác định tiền lương để tính tiền tiền trợ cấp thôi việc cho từng người lao động là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội của từng người lao động để tính tiền trợ cấp thôi việc.

Do đó, tiền trợ cấp thôi việc của từng người lao động được tính cụ thể như sau:

1. Ông Lại Xuân T được Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 29.077.750đ (thời gian làm việc của ông T là 13 năm từ 1996 đến 2008; Lương ông T hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 4.473.500đ);

2. Ông Nguyễn Văn D được Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 48.300.000đ (thời gian làm việc 20 năm từ 1988 đến 2008; Lương ông D hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 4.830.000đ);

3. Bà Nguyễn Thị Thúy H được Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 22.275.500đ (thời gian làm việc 13 năm từ 1996 đến 2008; Lương bà H hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 3.427.000đ);

4. Bà Lê Thị Ngọc H được Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 24.891.750đ (thời gian làm việc 13 năm từ 1996 đến 2008; Lương bà H hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 3.829.000đ);

5. Ông Phan Văn R được Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 20.843.750đ (thời gian làm việc 12 năm 06 tháng từ 1996 đến 2008; Lương ông R hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 3.335.000đ);

6. Ông Nguyễn Ngọc Nh được Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 22.885.000đ (thời gian làm việc 10 năm từ 1998 đến 2008; Lương bà Nh hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 4.577.000đ);

7. Ông Nguyễn Văn T được Công ty M thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 30.084.000đ (thời gian làm việc 16 năm từ 1990 đến 2008; Lương ông T hưởng vào tháng 6 năm 2017 là 3.760.500đ);

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị đơn Công ty M phải chịu án phí lao động sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

(Tổng số tiền trợ cấp thôi việc Công ty M phải trả cho các nguyên đơn Lại Xuân T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Thúy H, Lê Thị Ngọc H, Phan Văn R, Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Văn T là 198.357.750đồng, án phí lao động sơ thẩm phải nộp là 5.950.733đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274, Điều 280, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ Luật lao động năm 2019;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Lại Xuân T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Thúy H, bà Lê Thị Ngọc H, ông Phan Văn R, bà Nguyễn Ngọc Nh, ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp *"Đòi tiền trợ cấp thôi việc"* đối với Công ty M.

2. Buộc Công ty M thanh toán cho các nguyên đơn: ông Lại Xuân T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Thúy H, bà Lê Thị Ngọc H, ông Phan Văn R, bà Nguyễn Ngọc Nh, ông Nguyễn Văn T tiền trợ cấp thôi việc như sau:

2.1. Ông Lại Xuân T được thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 29.077.750đ;

2.2. Ông Nguyễn Văn D thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 48.300.000đ;

2.3. Bà Nguyễn Thị Thúy H được thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 22.275.500đ;

2.4. Bà Lê Thị Ngọc H được thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 24.891.750đ

2.5. Ông Phan Văn R được thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 20.843.750đ;

2.6. Bà Nguyễn Ngọc Nh được thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 22.885.000đ.

2.7. Ông Nguyễn Văn T được thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 30.084.000đ;

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Công ty M phải nộp 5.950.733đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng) án phí lao động sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Công ty M chưa nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo xin xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

6. "Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Linh Duy